

VỀ MẠNG LƯỚI GIAO THƯƠNG MIỀN NGƯỢC - MIỀN XUÔI Ở TRUNG BỘ: SUY NGHĨ LẠI “MÔ HÌNH TRAO ĐỔI HÀNG HÓA VEN SÔNG” CỦA BENNET BRONSON QUA DỮ LIỆU KHẢO SÁT NHÂN HỌC DÂN TỘC Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Trần Kỳ Phương*

Rie Nakamura**

Trong hơn một thập niên qua “mô hình mạng lưới trao đổi hàng hóa ven sông (model of riverine product exchange network)” của Bennet Bronson đã được áp dụng rộng rãi để tìm hiểu về cấu trúc và lịch sử của vương quốc cổ Chiêm Thành/Champa tại miền Trung Việt Nam (Đổng Thành Danh 2017: 48-60). Một trong hai tác giả của bài này từng là những người thể nghiệm tiên phong đã áp dụng mô hình của Bronson để tìm hiểu cấu trúc lịch sử của vùng đất này (Trần Kỳ Phương 2004: 41-61). Tuy nhiên, qua những khảo sát thực địa được thực hiện trong thời gian gần đây, chúng tôi muốn đặt lại vấn đề nhận thức về mô hình này dựa trên những kết quả đạt được từ những nghiên cứu điền dã nhân học dân tộc tại vùng Quảng Nam và Thừa Thiên Huế trong những năm 2014-15.⁽¹⁾

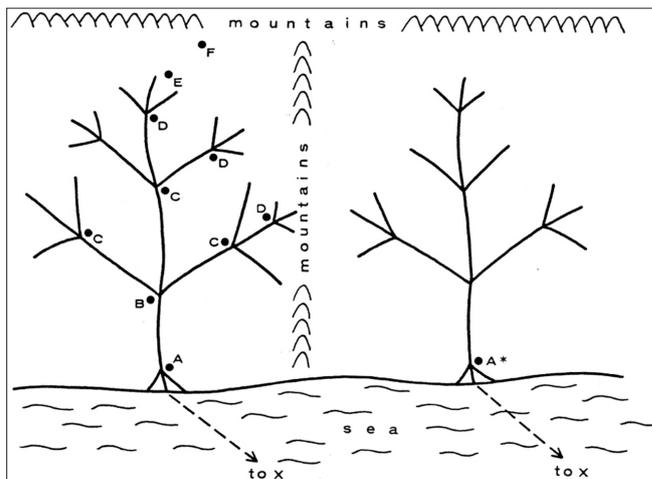
Nền tảng kinh tế hải thương của những tiểu quốc cảng-thị (river-based polity/port-polity) của vương quốc Chiêm Thành/Champa tại Trung Bộ từng được giải thích bằng cách áp dụng “mô hình mạng lưới trao đổi ven sông” của Bronson (Trần Kỳ Phương 2010: 206-15; Southworth 2011: 102-19). Theo cách giải thích của Bronson, hàng hóa từ miền ngược dựa vào mạng lưới trao đổi ven sông để tập trung về những trung tâm thương mại (hệ thống chợ) được thiết lập dọc theo những dòng sông chính; và được chuyển dần xuống miền xuôi nơi có những hải cảng/cảng-thị tọa lạc ở các cửa sông lớn để kết nối với mạng lưới hải thương quốc tế (Bronson 1977: 39-52).

Tương tự theo cách giải thích của Bronson, việc trao đổi hàng hóa giữa miền ngược và miền xuôi tại hai tỉnh Trung Trung Bộ là Quảng Nam và Thừa Thiên Huế đã được tiến hành dựa trên những dòng sông chính trong vùng như sông Thu Bồn, sông Vu Gia (Quảng Nam) và Sông Hương, Sông Bồ (Thừa Thiên Huế). Tuy nhiên qua những phát hiện trong nghiên cứu bước đầu về sự giao thương trong vùng này đã giúp chúng tôi nhận thức rằng hệ thống của Bronson là một mô hình “trung tâm hóa

* Trung tâm Nghiên cứu Giao lưu Văn hóa Đông Nam Á Lục địa/CMRA Center, Đại học Chulachomkraj, Thái Lan và APSARA Authority, Campuchia.

** Đại học Durham, Vương quốc Anh.

miền xuôi (lowland-centric)”; trong khi cư dân miền ngược *luôn luôn ở thế chủ động trong việc trao đổi hàng hóa* để không bị lệ thuộc vào một trung tâm nhất định nào.



Hình 1: Nhân bản hình vẽ 1 trong tiểu luận “Exchange at the upstream and downstream ends: notes toward a functional model of the coastal state in Southeast Asia” của Bennet Bronson (1977: 42).

bạn hàng đa dạng hơn. Họ đã đi xa hơn các biên giới quốc gia để đến những vùng đất khác bên kia các rặng núi. Họ chọn những trung tâm trao đổi khác nhau để đạt được những mặt hàng đa dạng hơn mà họ có nhu cầu. Trong bối cảnh đó, người miền ngược, dường như, có nhiều lựa chọn và sự luân chuyển từ những trung tâm trao đổi hàng hóa (chợ/chợ phiên) hơn trong so sánh với người miền xuôi một khi họ phải chờ đợi những nguồn hàng chính từ người miền ngược (Trần Kỳ Phương 2015: 16-27).

Nhận thức về mạng lưới trao đổi hàng hóa giữa miền ngược và miền xuôi ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Một trong những chợ được chúng tôi chọn để tiến hành phỏng vấn là chợ Tuần, cách thành phố Huế khoảng 10km về hướng tây, tọa lạc tại ngã ba Tuần, nơi hợp lưu các dòng Hữu Trạch, Tả Trạch và Sông Hương. Chợ Tuần là một trong những trung tâm chủ yếu của hệ thống trao đổi hàng hóa miền ngược-miền xuôi ở tỉnh Thừa Thiên Huế vì nó rất thuận tiện cho việc vận chuyển bằng đường thủy và đường bộ. Cư dân ở chợ Tuần gọi việc trao đổi hàng hóa miền ngược-miền xuôi là “buôn Thượng”; họ cho biết rằng trước kia, từ khoảng đầu những năm 1980 trở về trước, hầu hết cư dân ở đây đều tham gia vào việc “buôn Thượng” để sinh sống. Vì ở khu vực chợ Tuần đất canh tác nông nghiệp rất hạn hẹp và khô cằn; còn ngư nghiệp thì cũng không thể phát triển vì nguồn cá rất hạn chế. Do đó, cư dân ở chợ Tuần phải lệ thuộc hẳn vào “buôn Thượng” với cư dân miền ngược chủ yếu đến từ A Lưới.

Trong mô hình của Bronson các sắc tộc thiểu số sinh sống ở đầu nguồn cung cấp các mặt hàng lâm sản quý cho nền thương mại quốc tế theo nhu cầu của người miền xuôi. Nhưng chúng tôi lại phát hiện rằng, không giống với mô hình của Bronson, người miền ngược không chỉ hoàn toàn cung cấp hàng hóa cho thị trường miền xuôi. Là những nhà buôn năng động họ không trung thành với chỉ một hệ thống trao đổi ven sông. Họ có những con đường trao đổi khác và có những



Hình 2: Ngã ba Tuần, nơi hợp lưu của hai dòng Tả Trạch và Hữu Trạch (chợ Tuần nằm bên tả ngạn). (Ảnh Trần Kỳ Phương 2015).

Ngày nay, thị trấn A Lưới thuộc huyện A Lưới cách Huế khoảng 85km ở độ cao khoảng 600 mét so với mực nước biển, đồng bào Thượng gọi là Mường A Lưới. Trước kia, đi bộ từ A Lưới xuống chợ Tuần mất khoảng bốn ngày. A Lưới là một thung lũng rộng lớn, bằng phẳng, rất thuận lợi cho việc trồng trọt và chăn nuôi, đây cũng là một trung tâm chính để chuyển tải lâm sản về miền xuôi. A Lưới là nơi khởi nguồn của sông A Sáp, đây là thượng nguồn của sông Sê Kông ở Nam Lào rồi hợp lưu với sông Mê Kông ở tỉnh Stueng Treng thuộc vùng Đông-Bắc Campuchia.

Một trong những phỏng vấn được chúng tôi tiến hành ở chợ Tuần là với ông Đoàn Minh Châu, sinh năm 1961. Ông Châu là con trai của ông Đoàn Xó (1924-1999), theo ông Châu, cha ông sinh trong một gia đình thợ kim hoàn ở Huế vì thế đã học nghề thợ bạc, về sau ông Xó hành nghề tại chợ Tuần, khách hàng của ông chủ yếu là người miền ngược xuống từ A Lưới. Chiến tranh đã ảnh hưởng trực tiếp các hoạt động trao đổi ở chợ Tuần. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, nhiều người Kinh đã tản cư lên vùng Thượng. Ông Xó đã bỏ chạy lên A Lưới và sống ở đó trong những năm 1946-1954. Tại đây ông được đồng bào Thượng yêu quý gọi là “A-chay Xó (anh Xó)”.

Các tộc người Ta Ôi và Pa Cô thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer sinh sống ở A Lưới chính là những người ưa chuộng sở hữu đồ trang sức bằng bạc. Vào những dịp cưới hỏi nhà trai phải chuẩn bị sính lễ vòng kiềng/vòng đeo cổ, khuyên tai bằng bạc cho nhà gái. Họ rất thích bịt tẩu hút thuốc bằng bạc (“bịt bók”) hoặc bịt bạc các đồ trang sức làm bằng móng cọp hay móng heo rừng. Ông Xó trở thành thợ bạc nổi tiếng nhất với người Thượng ở A Lưới, nơi ông cùng chung sống với họ trong

nhiều năm chiến tranh. Sau năm 1954 khi ông về lại nhà cũ ở Tuần, người Ta Ôi và Pa Cô vẫn thường xuyên tìm đến tiệm của ông để bịt tẩu hút thuốc hay làm các loại trang sức bằng bạc. Tuy nhiên vào những năm đầu của thập niên 1960 chiến tranh lại bùng nổ cắt đứt mọi giao lưu giữa miền ngược và miền xuôi trong vùng.⁽²⁾ Khi đã mất tất cả các khách hàng đến từ miền Thượng, ông Xó phải làm nhiều nghề khác nhau để sinh sống.



Hình 3: Con đường ven suối kết nối thung lũng A Lưới với chợ Tuần.
(Ảnh Trần Kỳ Phương 2015).

Sau chiến tranh, vào những năm 1975-1978, khi mối giao lưu miền ngược-miền xuôi được nối lại, người Ta Ôi và Pa Cô lại tìm đến ông Xó để mua sắm đồ trang sức bằng bạc.⁽³⁾ Ông Châu cho biết rằng đó là thời gian gia đình ông sống rất sung túc nhờ vào số lượng đông đảo các khách hàng miền Thượng của cha ông. Tuy nhiên đời sống khá giả của gia đình ông Xó đã chấm dứt vào khoảng năm 1979-1980, bởi vì người Ta Ôi và Pa Cô đã tiêu hết số tiền “miền Bắc” mà họ dành dụm được trong thời chiến. Trong chiến tranh, hầu hết các sắc tộc ở miền Thượng đều tham gia vào chiến cuộc trên mọi phương diện; nhiều người trở thành cán bộ nên được nhận lương của chính quyền cách mạng; hoặc họ có thể trao đổi hàng hóa tự sản xuất để lấy tiền của bộ đội chính quy từ miền Bắc vào. Nhưng, những khó khăn của nền kinh tế hậu chiến đã khiến cư dân miền Thượng nhanh chóng tiêu hết những đồng tiền họ dành dụm được trong chiến tranh. Sau khi mất hết khách hàng từ miền Thượng, ông Xó phải hành nghề sửa xe đạp để nuôi gia đình trong nhiều năm cho đến khi ông mất vào năm 1999. Câu chuyện của ông Xó cho thấy rằng việc giao thương với các sắc tộc miền ngược là nguồn sống chính của cư dân ở chợ Tuần chứ đó không phải là thu nhập thứ yếu.

Còn đối với thương nhân người Kinh, những mối quan hệ trao đổi giữa họ với người Thượng cũng đa dạng. Nó tùy thuộc vào giới hạn của việc trao đổi và với khả năng ngôn ngữ giao tiếp của họ. Chẳng hạn ở chợ Tuần, bà Năm chờ nguồn hàng của người Thượng mang đến để trao đổi; trong khi ông Nhỏ, người có thể nói được tiếng Ta Ôi, đã tự lên miền ngược để thu thập nguồn hàng.

Tuy nhiên trong cả hai trường hợp, cư dân miền Thượng có xu hướng trao đổi với những bạn hàng mà họ tin cậy và thích đổi hàng tận tay. Việc trao đổi chỉ được tiến hành một khi giữa họ đã tạo nên được một mối quan hệ dựa trên sự tin cậy lẫn nhau. Người Ta Ôi và Pa Cô ở Thừa Thiên Huế gọi mối quan hệ bạn hàng này là “ca-lo” (có nghĩa là “kết nghĩa”).

Trong trường hợp của bà Năm, nhiều đồng bào Thượng ở A Lưới đã phát triển mối quan hệ thân tình với bà và xem bà là một “ca-lo” của họ. Khi họ đi xuống chợ Tuần để đổi hàng, họ ăn ở với gia đình bà, được bà chăm sóc như người thân ruột thịt; vì thế họ đã không đổi hàng với ai khác ngoài bà. Tùy theo yêu cầu của họ, bà Năm thỉnh thoảng đi chợ ở Huế để mua các mặt hàng mà họ cần; và cũng để giới thiệu họ với các nhà buôn khác ở Huế một khi họ có nhu cầu trao đổi.

Ông Quỳnh Hoàng ở làng A Ngo, huyện A Lưới, sinh khoảng năm 1920, là một trong những người đổi hàng chuyên nghiệp nổi tiếng nhất của người Ta Ôi ở vùng này. Trước khi tham gia cách mạng vào giữa thập niên 1950, ông chỉ kiếm sống bằng việc trao đổi hàng hóa.⁽⁴⁾ Ông xem bà Năm là “ca-lo” và đã tạo nên mối quan hệ thân thiết với bà và gia đình bà. Có lần ông đã đưa bà đi thăm làng A Ngo (cũ) của ông nay thuộc lãnh thổ Lào giáp biên với Việt Nam (làng A Ngo cũ và A Ngo mới ở A Lưới cách nhau khoảng hai ngày đi bộ) và giúp cho bà mua một số lượng lớn dây mây.⁽⁵⁾ Ông Hoàng nói được tiếng Lào và thường xuyên đổi hàng bên Lào. Mặc dù có nhiều làng Ta Ôi bên Lào nhưng ông Hoàng lại có nhiều “ca-lo” của ông là người Lào Lùm (người Lào ở vùng thấp) và đổi hàng trực tiếp với họ. Ông Hoàng chỉ đổi hàng với bà Năm ở chợ Tuần nhưng khi muốn mua ché, ông phải dựa vào người khác bởi vì bà Năm không thể phân biệt được chất lượng của ché. Vì thế, bà đã giới thiệu ông Hoàng với một thương nhân người Kinh gốc Hoa tên là Khóa ở chợ Đông Ba, Huế. Tại cửa hàng của ông Khóa, ông Hoàng đã chọn được một cái ché mà ông ưa thích và mang nó về nhà; sau đó bà Năm đã thương lượng giá cả và trả tiền cho ông Khóa. Về sau, ông Hoàng đã trả giá cái ché mà ông chọn ở cửa hàng ông Khóa cho bà Năm là hai ký kỳ nam và một túi mật trăn.

Ông Hoàng cũng đã nhiều lần đổi hàng trực tiếp với ông Khóa để lấy chiêng, nồi đồng, khay đồng và các loại ché cũ hoặc mới. Tuy nhiên ông không xem ông Khóa là “ca-lo” và không bao giờ có mối quan hệ cá nhân như ăn ở tại nhà ông Khóa. Sau chiến tranh, ông Hoàng là cán bộ ở A Lưới, trong một lần được cử đi

học tập ở Huế ông đã tìm thăm ông Khóa trước khi ông này đi định cư ở nước ngoài vào năm 1979.



Hình 4: Ông Quỳnh Hoàng, người Ta Ôi, sinh khoảng năm 1920. Một nhà buôn chuyên nghiệp trong những năm 1940. Ông (và vợ) hiện sống tại xã A Ngo, thị xã A Lưới.



Hình 5: Ông Hồ Thanh Phiên (phải) người Pa Cô, sinh khoảng năm 1930, từng là nhà buôn chuyên nghiệp vào những năm 1940-1950. Hiện sống tại A Lưới. (Ảnh Trần Kỳ Phương).

Một trường hợp khác, ông Hồ Thanh Phiên, sinh khoảng năm 1930, là người Pa Cô ở A Lưới, trước đây ông đổi hàng với nhiều sắc tộc khác kể cả người Pa Hy lán giêng và các tộc người ở Lào bên kia biên giới vì ông nói thạo tiếng Lào. Thú vị là, ông Phiên cũng có một “ca-lo” là người Cơ Tu. Sắc tộc Cơ Tu cùng nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer với người Ta Ôi và Pa Cô và họ sinh sống tập trung ở tỉnh Quảng Nam. Người Cơ Tu có tục “săn máu” cho nên các tộc người khác thường e ngại khi đi vào lãnh thổ của họ. Việc ông Phiên có “ca-lo” là người Cơ Tu thì rất hiếm vì nó chứng tỏ rằng ông đã tạo được một mạng lưới đổi hàng rất linh hoạt và đa dạng. Khác với ông Hoàng, ông Phiên thích đổi hàng ở chợ An Lỗ thuộc hạ lưu Sông Bô, một trong hai dòng sông lớn của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mặc dù chúng tôi chưa thu thập đủ thông tin để giải thích về mối quan hệ “ca-lo” nhưng chắc chắn nó phải được kế thừa qua nhiều thế hệ. Chẳng hạn trường hợp ông Nhỏ ở chợ Tuần được nêu trên, ông thường đem theo hai người con gái mỗi khi lên đổi hàng trên miền Thượng;⁽⁶⁾ và một trong hai cô này đã biết nói thông thạo tiếng Ta Ôi để trở thành một nhà buôn kế thừa ông Nhỏ sau khi ông qua đời. Các thành viên trong gia đình bà Năm còn nhớ rằng đồng bào miền Thượng thỉnh thoảng xuống ở lại nhà bà thường mang theo con cái của họ. Nếu thế hệ trẻ tiếp tục đổi hàng, chắc chắn, chúng sẽ dựa vào mối quan hệ “ca-lo” của thế hệ cha ông.

Mỗi làng ở vùng A Lưới ngày xưa thường có năm hoặc sáu gia đình tham gia hoạt động đổi hàng. Việc này tùy thuộc vào năng lực của mỗi cá nhân ví như khả năng giao tiếp bằng các ngôn ngữ khác, tuy nhiên phải nhận thấy rằng việc

đổi hàng là một loại nghề nghiệp gia đình. Chẳng hạn cha của ông Hoàng và ông Phiên đều tham gia trao đổi hàng hóa. Cả hai ông Hoàng và ông Phiên có khả năng đều học nghề buôn từ cha của họ và họ đã kế thừa mạng lưới giao thương của cha.

Các già làng người Ta Ôi ở A Lưới, như ông Quỳnh Hầu, còn nhớ họ thường đổi trâu bên Lào. Trước kia, bên Lào luôn luôn có nhu cầu lao động ngắn hạn vì thế một nhóm người Ta Ôi thường đi làm thuê cho người Lào (tiếng Ta Ôi là “láp-chàng”). Thông thường, một người làm thuê được trả công một con trâu cho khoảng sáu tháng.⁽⁷⁾ Tưởng cũng nên lưu ý rằng, tỉnh Attapue ở Nam Lào có nghĩa là “đồng phân trâu”. Đây là một thung lũng rất rộng nơi những đàn trâu lớn được chăn nuôi. Nam Lào là nơi đổi trâu chính trong vùng và là một trung tâm cung cấp trâu cho toàn khu vực (Trần Kỳ Phương 2013).

Mặt hàng quý giá và nổi tiếng nhất có tính lịch sử để trao đổi giữa miền ngược và miền xuôi đó là trầm hương. Trong một chuyên khảo về trầm hương và vai trò của nó trong nền kinh tế của vương quốc Chiêm Thành/Champa của Hardy, ông đã dẫn ra những ghi chép của Marco Polo vào thế kỷ 13 rằng chỉ có hai loại hàng nhu yếu đã thu hút thuyền buôn nước ngoài neo đậu lại các cảng-thị của Champa đó là nước ngọt và trầm hương. Trầm hương nổi tiếng của Champa được thương nhân Ả Rập đương thời, từ thế kỷ thứ 8-12, gọi là “Canfi”, đó là một mặt hàng quý có thể đổi lấy vàng (Trần Kỳ Phương 2015: 16-27). Trầm hương được tìm trong rừng sâu ở các vùng cao nguyên trong nội địa bán đảo Đông Dương. Các nhà nghiên cứu đều thừa nhận rằng sự giàu có của vương quốc Chiêm Thành trong quá khứ chính là nhờ xuất khẩu trầm hương; và nó là tài nguyên chính mang đến sự thịnh vượng của nền kinh tế bản địa (Hardy 2009: 116-17).

Ông Hoàng nhớ rằng trước năm 1945, dưới thời Pháp thuộc, trầm hương, tiếng Ta Ôi là “roo”, rất dễ tìm trong vùng rừng núi ở quê ông là làng A Ngo (cũ) nhưng chỉ là từng miếng vụn bằng hai hoặc ba ngón tay chứ rất hiếm có khúc to. Theo ông thì chỉ có rất ít người miền Thượng biết đi tìm trầm vì hầu hết họ không có kinh nghiệm. Ông Hoàng đã được một thương nhân người Kinh thân tín ở miền xuôi chỉ vẽ cho cách tìm trầm nên ông mới có khả năng tìm được mặt hàng quý giá này.

Ông cũng biết rằng trầm hương có giá trị trao đổi rất cao ở miền xuôi cho nên ông không chỉ tự mình đi tìm trầm trong rừng mà còn trao đổi trầm hương để lấy các mặt hàng khác với các nhóm sắc tộc ở các bản làng khác rồi đem chúng về xuôi trao đổi với bạn hàng người Kinh. Vì thế, trầm hương đã trở thành mặt hàng trao đổi chính của ông.

Ngày nay trầm hương đã trở thành cực kỳ khan hiếm nên trong những chuyến khảo sát ở A Lưới chúng tôi không thể mục chứng chúng như một mặt hàng trao

đổi. May mắn là chúng tôi được ông Quỳnh Hiền – em út của ông Hoàng – người trước kia cũng từng theo ông Hoàng đi đổi hàng, cho xem một vài mẫu trầm mà ông còn giữ để dành những khi cúng lễ trong gia đình. Chúng là những mẫu nhỏ chừng 01- 02cm có màu đen lánh, nặng; khi đốt lên thì chảy nhựa và có mùi thơm dễ chịu, nồng ấm.

Về những mặt hàng từ miền ngược đem về xuôi, chúng ta thường nghĩ rằng hầu như chúng được hái lượm từ trong rừng sâu bởi các nhóm sắc tộc. Tuy nhiên qua các nghiên cứu điền dã chúng tôi đã nhận thức rằng các mặt hàng trao đổi không chỉ hoàn toàn hái lượm từ rừng sâu mà chúng còn được trồng trọt bởi đồng bào Thượng để trao đổi mua bán. Có những gia đình Ta Ôi ở A Lưới đã trở thành giàu có nhờ trồng các loại thảo mộc theo yêu cầu của người miền xuôi. Một loại sợi được chế biến từ vỏ của cây thân mềm gọi là “kì-dool”, là sợi vỏ cây gai (*Ramie/ Boehmeria nivea*) dùng để đan lưới đánh bắt cá. Trước kia có những gia đình Ta Ôi trồng hàng héc-ta cây “kì-dool” để lấy vỏ đem xuống đổi hàng ở chợ Tuần. Ngoài ra, cũng có nhiều gia đình khác ở A Lưới trồng thuốc lá để đổi hàng ở chợ Tuần.

Nhiều nghiên cứu khác cũng thu thập thông tin về người Cor ở tỉnh Quảng Ngãi, họ trồng quế và độc quyền trao đổi quế trong vùng (Cao Chur 2016: 139-50; 164-70). Những sự trùng hợp ngẫu nhiên này chỉ ra rằng cư dân miền Thượng biết tổ chức một mô hình đầu tư kinh tế với những sản phẩm đặc thù. Họ không chỉ hoàn toàn lệ thuộc vào mô hình kinh tế “săn bắt và hái lượm” như chúng ta từng nghĩ trước đây. Họ linh hoạt nhu cầu thị trường và đáp ứng mỗi cung cầu đó bằng cách sản xuất những vụ mùa đặc thù dựa theo thương trường. Họ không chỉ thuần là những nhà nông thụ động và trên một phương diện nào đó họ đã có phương kế thị trường của một thương nhân.

Những vấn đề của hệ thống trao đổi ven sông của Bronson

Trong quá trình khảo sát thực địa về những hoạt động trao đổi hàng hóa trong quá khứ của các sắc tộc thiểu số ở miền ngược, chúng tôi nhận thức rằng, hệ thống trao đổi ven sông giữa miền ngược và miền xuôi của Bronson được giải thích theo quan điểm từ miền xuôi. Theo mô hình này, các mặt hàng lâm sản trao đổi chính yếu được thu thập từ trong các vùng sâu-vùng xa (hinterland) và chúng được chuyển dần đến những chợ trung gian tọa lạc ở ven sông để rồi vận chuyển về các chợ lớn hơn ở cảng-thị (Hình 1).

Theo giải thích của Bronson trong Hình 1, A là một trung tâm lớn tọa lạc tại một cảng-thị ở cửa sông chính. Từ A, những mặt hàng lâm sản này được tập trung để gởi đi chợ X ở hải ngoại hay kết nối với mạng lưới hải thương quốc tế bằng đường biển; B và C là những trung tâm thứ yếu tọa lạc ở vùng cao hơn (trung du) và/hoặc ở các nhánh sông; D là trung tâm ở xa nhất tại miền ngược nằm sâu trong

thượng nguồn để cùng tham gia vào hệ thống lấy A làm căn cứ; E và F là những nơi thu thập hoặc sản xuất các mặt hàng trao đổi và là những cứ điểm thuộc những hệ thống riêng rẽ dựa trên cơ sở không-hợp-chợ (Bronson 1977: 43).

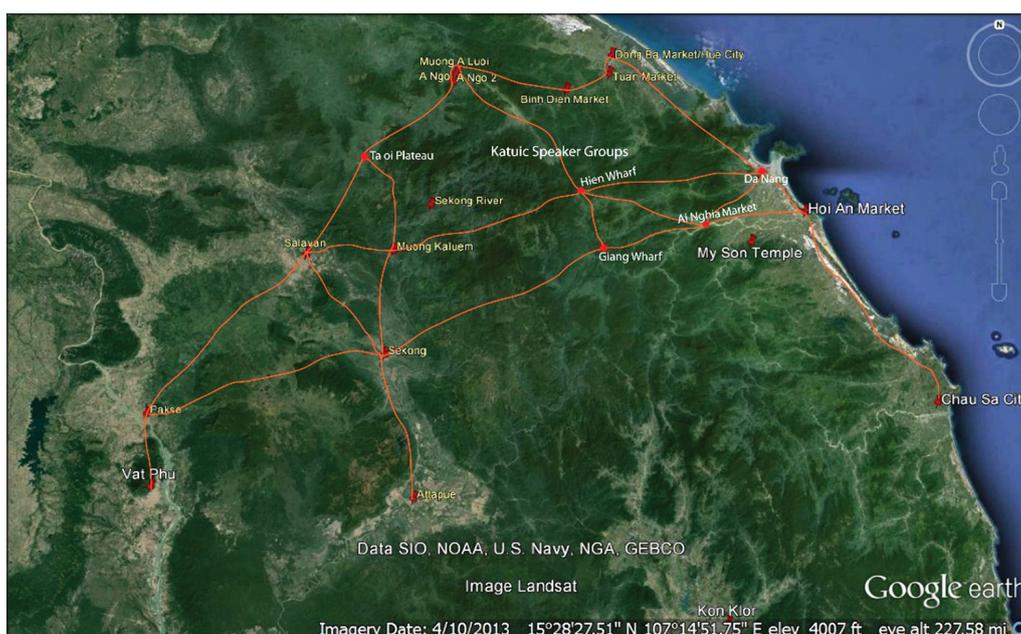
Nếu áp dụng mô hình này để thảo luận với những nghiên cứu sơ bộ của chúng tôi ở tỉnh Thừa Thiên Huế, thì, chợ ở Huế (chợ Đông Ba, chợ Bao Vinh) tương đương với chợ A trong hình;⁽⁸⁾ chợ Tuần tương đương với điểm B thường tọa lạc ở chỗ hợp lưu của các dòng sông. Khoảng cách giữa hai khu chợ này độ chừng 15km. Thung lũng A Lưới, cách chợ Tuần khoảng 85km nằm sâu trong dãy Trường Sơn gần biên giới Việt Nam-Lào, để kết nối giữa chợ Tuần và A Lưới là một con đường ngoằn ngoèo men theo dòng suối lớn đổ về xuôi.⁽⁹⁾ A Lưới tương đương với điểm D trong hình vẽ của Bronson nơi có những đặc tính của E và F vì chúng được giải thích là những “nơi sản xuất xa nhất” của những mặt hàng trao đổi; và, cũng nên lưu ý rằng chúng có những mạng lưới trao đổi riêng dựa trên cơ sở không-hợp-chợ. Bronson giải thích những đặc tính của mối quan hệ giữa B/C và D như là sự hợp tác mang tính thân tộc (kinship) (Bronson 1977: 42-45); những đặc tính đó trùng hợp với mối quan hệ gọi là “ca-lơ/kết nghĩa” giữa người miền ngược với người miền xuôi như trường hợp của ông Quỳnh Hoàng mà chúng tôi đã nêu trên.

Để có được những nguồn hàng ổn định tập trung về trung tâm A, ta có thể suy luận rằng đã có sự kiểm soát bằng các chính sách đặc thù; hoặc, có thể có cả chính sách thực dân đối với những trung tâm B và C (Bronson 1977: 45). Bronson cũng nghĩ rằng trung tâm A phải cân nhắc đến việc kiểm soát trung tâm D để bảo đảm nguồn hàng bằng cách áp đặt chính sách cưỡng chế. Tuy nhiên bên cạnh suy tính đến việc sử dụng quân sự để chinh phục trung tâm D, có thể trung tâm A đã áp dụng giải pháp phi chính trị, chẳng hạn cung cấp những sản phẩm khai thác từ nguồn hải thương quốc tế mà trung tâm D không thể sản xuất được; do vậy buộc D phải tự nguyện tham gia vào hệ thống trao đổi miền ngược-miền xuôi trong vùng (Bronson 1977: 44). Giải thích như vậy phù hợp với nhu cầu trao đổi hàng hóa từ miền xuôi lên miền ngược ở Trung Bộ; vì, tất cả sản phẩm mà các sắc tộc thiểu số ở cao nguyên và miền núi trao đổi được từ miền xuôi đều là những mặt hàng mà họ không thể tự sản xuất được như muối, ché, chiêng, nồi đồng... Về mặt lịch sử, luận điểm này ủng hộ sự tranh biện cho rằng ảnh hưởng của vương quốc Champa xưa kia lên đến miền ngược đã tồn tại ở miền Trung trước khi người Kinh nắm quyền chính trị vào thế kỷ 16-17, vì, có nhiều di tích Chăm được phát hiện tại cao nguyên minh chứng rằng mạng lưới trao đổi hàng hóa giữa miền ngược và miền xuôi đã xảy ra trong suốt nhiều thế kỷ (Hardy 2009: 114-16).⁽¹⁰⁾

Tuy nhiên khác với cách giải thích của Bronson, kết quả nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng, cư dân ở trung tâm D không chỉ trao đổi theo một hệ thống ven sông của một vùng. Người Ta Ôi và Pa Cô ở thung lũng A Lưới đã trao đổi

hàng hóa vượt quá một hệ thống ven sông. Chẳng hạn, ông Quỳnh Hoàng kể cho chúng tôi nghe về một chuyến đi đổi hàng mà ông đã có lần thực hiện như sau: Vào khoảng đầu những năm 1940, ông Hoàng được một bạn hàng báo tin rằng, có người ở tỉnh Attapeu bên Lào cần một cái nồi đồng lớn (tiếng Ta Ôi là “pung”); ông đã đi xuống chợ Tuần để tìm mua cái nồi đồng. Sau đó, ông cùng với một nhóm mười người Ta Ôi khác đi bộ xuống Attapeu, từ làng A Ngo cũ của ông phải mất khoảng hai tuần để đi đến Attapeu ở Nam Lào. Khi gặp người cần mua nồi đồng, ông đã mặc cả để đổi cái nồi đồng lấy một cái ché cổ quý màu vàng nâu có kích thước lớn (“văn”) mà ông tin rằng đó là ché Khmer;⁽¹¹⁾ sau đó ông gửi cái ché quý về lại Mường Ta Ôi ở tỉnh Salavan, Lào, để đổi cái ché đó lấy 50 tấm vải dệt thổ cẩm (“zeng”) mà người Ta Ôi ưa thích. Ông mang số thổ cẩm về làng và chia một phần cho những người bà con nghèo vì họ không có đủ khả năng để mua được “zeng”.

Trong trường hợp này, nếu chúng ta hình dung những địa điểm đổi hàng của ông Hoàng với hình vẽ của Bronson, thì, chúng ta không thể tìm thấy chúng ngoại trừ chợ Tuần (tương đương với điểm B của mô hình Bronson) nơi mà ông Hoàng đã mua nồi đồng. Hầu hết hoạt động trao đổi của ông Hoàng đều được tiến hành bên kia núi, những nơi không được chỉ ra trong hình vẽ của Bronson.



Hình 6: Mạng lưới trao đổi của các nhóm cư dân thuộc ngôn ngữ Katuic ở miền ngược trải rộng toàn vùng từ duyên hải miền Trung lên đến Nam Lào. (Bản vẽ của Trần Kỳ Phương dựa theo Google Map).

Quãng đường mà ông Hoàng đã đi đổi hàng thật xa so với dự tính của chúng ta; từ duyên hải miền Trung lên đến tận những miền núi xa xôi ở Nam Lào. Southworth đã từng chỉ ra tầm quan trọng của giao thương đường bộ ở hai bên dãy Trường Sơn



Hình 7: Một cái ché cổ của người Ta Ôi ở A Lưới đã được đổi từ bên Lào. (Ảnh Trần Kỳ Phương 2015).

động thực hành việc trao đổi vượt qua hệ thống chỉ dựa vào một dòng sông của người miền xuôi. Họ băng rừng vượt núi để đến tận vùng Nam Lào và đổi hàng với cư dân ở những hệ thống ven sông khác nằm sâu trong Đông Nam Á lục địa.

Như chúng tôi đã nêu, trong một vài trường hợp cá biệt, nhà buôn người Kinh ở miền xuôi đã lên tận miền ngược để tìm kiếm những nguồn hàng đặc sản, như ông Nhỏ ở chợ Tuần là người đương thời với bà Năm, họ là hai thương lái nổi tiếng nhất ở chợ Tuần khoảng những năm 1940. Ông Nhỏ nói được tiếng Ta Ôi và thỉnh thoảng đi ngược lên A Lưới, ở lại đó một thời gian ngắn, để thu thập nguồn hàng nhưng ông vẫn trao đổi hàng chỉ dựa vào hệ thống của một dòng sông.

Các sắc tộc ở miền ngược, dường như, tự họ quyết định việc đổi hàng với ai hoặc ở đâu tùy theo chất lượng của mặt hàng mà họ cần trao đổi. Chẳng hạn, ông Hoàng đã đi Đà Nẵng để tìm các loại chiêng tốt mặc dầu ông có thể mua được chiêng ở Huế; bởi vì ông cần tìm chiêng có chất lượng cao, và ông hiểu rằng loại chiêng được bán ở chợ Đà Nẵng có âm thanh tốt hơn các chợ ở Huế. Các sắc tộc ở A Lưới cũng có thể mua muối ở Lào vì người Lào chế biến muối từ mỏ muối; tuy nhiên họ chuộng muối từ chợ Tuần vì muối biển ngon và dễ nấu hơn muối đá (muối mỏ).

Phụ nữ Ta Ôi tự dệt vải để mặc trong sinh hoạt và lễ hội, tuy nhiên để có trang phục đặc biệt dành cho đàn ông mặc trong lễ hội họ phải đi xuống miền xuôi ở Lào để tìm mua vải hoặc lụa có chất lượng cao, có khổ rộng khoảng 1,2 mét, gọi là

của miền Trung; theo ông, những nhà khảo cổ học luận rằng cư dân bản địa đã sử dụng những ngọn đèo để đi lại giữa hai vùng từ thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên; và nó vẫn tiếp tục là con đường chính để trao đổi và giao thương hàng hóa từ vùng duyên hải lên vùng hạ lưu sông Mê Kông trong nhiều thế kỷ sau (Southworth 2011: 114). Gần đây, chúng tôi đã chứng minh một mạng lưới giao thương bằng đường bộ kết nối các tiểu quốc ở Nam Lào và Đông Bắc Campuchia qua các chứng cứ khảo cổ học (Trần Kỳ Phương, Luongkhote, Kaseka 2015: 206-15).

Trong khi thương lái người Kinh ở miền xuôi, như bà Năm ở chợ Tuần, phải trông đợi nguồn hàng từ miền ngược đem xuống; thì, những nhóm sắc tộc miền ngược đã chủ

“pa-khôm”. Như vậy, họ không đơn giản chỉ trao đổi theo một dòng sông; và mạng lưới trao đổi của họ bao phủ một vùng địa lý rộng lớn hơn nhiều.

Tạm kết

Từ những nhận định trên, chúng ta có thể tạm kết luận rằng, nếu áp dụng “mô hình trao đổi hàng hóa ven sông” của Bennet Bronson để tìm hiểu việc giao thương giữa miền ngược và miền xuôi ở Trung Bộ, thì mô hình này chỉ thích ứng một phần với hoạt động thương mại của cư dân miền xuôi khi họ phải vận chuyển hàng hóa theo những dòng sông ngắn để nối kết với cảng-thị. Ngược lại hệ thống trao đổi ven sông không tác dụng đối với cư dân miền ngược, vì họ có thể giao thương với các vùng đất khác bên kia núi kéo dài đến tận Nam Lào hay Đông-Bắc Campuchia. Họ có thể gửi hàng bằng đường bộ một hoặc hai tuần trong những chuyến đổi hàng ở nơi xa; vì thế họ không nhất thiết phải lệ thuộc vào một trung tâm tiêu biểu nào tọa lạc ở miền xuôi.

Phân tích “mô hình mạng lưới trao đổi hàng hóa ven sông” có xu hướng “trung tâm hóa miền xuôi (lowland - centric)” theo Bronson không chỉ ứng dụng với khu vực Bắc Trung Bộ mà nó có thể áp dụng để tìm hiểu các hệ thống trao đổi ven sông khác ở khắp các khu vực miền Trung khi mà những nghiên cứu về mối giao lưu hàng hóa miền ngược-miền xuôi trong vùng đang được quan tâm trong nhiều công trình hiện nay (Nguyễn Phước Bảo Đan, Trần Thanh Hoàng 2017: 252-75; Nguyễn Hữu Thông 2017: 11-29; Đỗ Trường Giang 2011: 285-314).^(*)

T K P - R. Nakamura

CHÚ THÍCH

- (1) Ý chính của bài này đã được hai tác giả trình bày tại Hội nghị International Convention of Asia Scholars (ICAS 10) tổ chức tại Chiang Mai, Thái Lan, 20-23/7/2017. Và tại Hội nghị Thông báo Khảo cổ học năm 2017, tổ chức tại Thanh Hóa, 28-29/9/2017.
- (2) Trong chiến tranh Việt Nam, từ năm 1966, A Lưới đã trở thành một căn cứ quân sự quan trọng của quân đội Mỹ, nơi xảy ra trận đánh nổi tiếng mang tên là “Đồi Thịt Băm/Hamberger Hill” vào năm 1969.

* **Cảm tạ:** Chúng tôi chân thành cảm ơn các ông Quỳnh Hoàng, Quỳnh Hiền, Quỳnh Hào, Hồ Thanh Xoa, Hồ Thanh Phiên ở A Lưới đã giúp chúng tôi hoàn tất các buổi phỏng vấn. Cảm ơn các anh Đặng Thái Linh và Hồ Văn Hanh, cán bộ xã A Ngo, huyện A Lưới đã tạo điều kiện để chúng tôi khảo sát tại A Lưới. Cảm ơn gia đình bà Năm và ông Đoàn Minh Châu ở chợ Tuần đã tham gia các cuộc phỏng vấn. Cảm ơn các bạn Nguyễn Văn Quảng và Nguyễn Phước Bảo Đan đã cùng tham gia những chuyến nghiên cứu điền dã tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Cảm ơn Hội Văn học và Nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam, POSCO TJ Park Foundation’s Research Grants for Asia Studies (Hàn Quốc) và Center for Cultural Relationship Studies in Mainland Southeast Asia/CRMA Center (Thái Lan, Campuchia) đã tài trợ để thực hiện những nghiên cứu điền dã tại miền Trung Việt Nam trong những năm 2014-2015. TKP - R. Nakamura.

- (3) Để có bạc làm đồ trang sức ông Xó phải đi chợ Đông Ba và chợ Bao Vinh ở Huế mua bạc từ những gia đình gốc Hoa buôn bán tại đây. Những thỏi bạc dài 10cm, rộng 02cm và dày 10cm được chế tác ở Trung Hoa. Trước kia bạc thỏi là một đơn vị tiền tệ dùng để trao đổi hàng hóa. Cư dân miền Thượng thường tích lũy bạc thỏi để làm tài sản riêng cũng như người miền xuôi tích lũy vàng.
- (4) Sau khi tham gia cách mạng, ông Hoàng được huấn luyện quân sự ở Lào; trong thời chiến ông ngưng hẳn mọi hoạt động đổi hàng cho đến khi chấm dứt chiến tranh ông mới bắt đầu lại việc trao đổi nhưng chỉ là hoạt động thứ yếu.
- (5) Trong trường hợp này ông Hoàng giữ vai trò của một người trung gian như “ndraany” của người Mnong Gar ở tỉnh Lâm Đồng mà nhà dân tộc học Condominas đã đề cập trong những chuyên khảo của ông về sắc tộc này (1977: 102-19).
- (6) Chúng tôi đã phỏng vấn một trong hai người con gái của ông Nhỏ là bà Hòa; hiện nay bà sống ở chợ Tuần với gia đình người con gái, bà sinh khoảng năm 1934.
- (7) Ông Hoàng và ông Quỳnh Hầu cho biết, muốn đất trâu từ Attapue và làng cũ A Ngo ở Mường Ta Ôi bên Lào thì phải đi từng đoàn đông người, nếu chỉ có hai ba người thì không dám đi, vì họ rất sợ bị cọp vồ bắt trâu.
- (8) Các trung tâm trao đổi/mạng lưới chợ ở miền xuôi trong vùng Thừa Thiên Huế thiết lập dựa trên Sông Hương và Sông Bồ được kết nối với cửa Thuận An và cửa Tư Hiền qua phá Tam Giang là một hệ thống cảng-thị lớn nơi tồn tại nhiều di tích tôn giáo của Champa như tháp Linh Thái, Phú Lương, Mỹ Khánh, và các tòa thành như thành Lồi, thành Hóa Châu (Nguyễn Văn Quảng 2016: 73-94).
- (9) Ông Quỳnh Hoàng cho biết, từ A Lưới xuống chợ Tuần người Ta Ôi và Pa Cô có dùng voi để chở hàng. Cho đến khoảng năm 1954 ở A Lưới vẫn còn 5-6 con voi để chở hàng.
- (10) Gần đây, một ngôi đền Khmer bằng gạch, niên đại thế kỷ 8- 9, tên là Prasat Ta-nang (Yeak Naang) được phát hiện trong rừng sâu thuộc huyện O-da-yaw, tỉnh Rattanakiri, cách biên giới Campuchia-Việt Nam độ chừng 10km, trong một làng của người Jarai. Đây là một chứng cứ quan trọng để nhận thức về con đường giao thương cổ kết nối các tiểu quốc trong vùng, mà trong đó, các sắc tộc sinh sống ở cao nguyên và miền núi Đông Dương đã giữ một vai trò quan trọng như những người trung gian để tiêu thụ và trao đổi hàng hóa (Trần Kỳ Phương 2017: 4-6).
- (11) Các sắc tộc thiểu số ở bắc miền Trung quan niệm rằng ché Khmer rất quý vì có xương gổm dày và nặng; họ cho rằng loại ché này có “chất sắt”. Họ cũng ưa chuộng loại men gổm có màu đơn sắc (monochrome) cho nên ché Khmer quý hơn những loại ché khác. Hơn nữa loại ché này phải vận chuyển bằng gùi trong những vùng rừng núi xa xôi cho nên trở thành quý hiếm. Người Ta Ôi gọi loại ché quý này là “par-tam”, có màu nâu đen mua được ở vùng Attapue. Trong một trao đổi với Dr Louise Cort và Dr Leedom Leffert, chuyên gia về gổm Đông Nam Á của Sakler Gallery, họ đã cho chúng tôi biết rằng, trước kia có nhiều lò gổm cổ vào thế kỷ 17-18 ở tỉnh Attapue đã tái sản xuất loại gổm Khmer thế kỷ 13 thời Angkor, chúng có men màu nâu đen, xương gổm dày và nặng (TKP, trao đổi cá nhân tại Siem Reap tháng 12 năm 2014).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bronson, Bennet (1977). “Exchange at the Upstream and Downstream Ends: Notes toward a Functional Model of the coastal State in Southeast Asia” in *Economic Exchange and Social*

- Interaction in Southeast Asia: Perspectives from Prehistory, History and Ethnography* (ed. Karl L. Hutterer), pp. 39-52. Ann Arbor: Center for South and Southeast Asian Studies, The University of Michigan.
2. Cao Chư (2016). *Văn hóa cổ truyền dân tộc Cor: Tổng thể và những giá trị đặc trưng*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
 3. Condominas, Georges (1972). "Aspects of Economics among the Mnong Gar of Vietnam: Multiple Money and the Middleman", *Ethnology*, Vol.11, No. 3 (Jul., 1972), pp. 202-19.
 4. Đỗ Trường Giang (2011). "Biển với lục địa-thương cảng Thị Nại Champa trong hệ thống thương mại Đông Á (thế kỷ X-XV)" trong *Người Việt với biển* (chủ biên: Nguyễn Văn Kim), tr. 285-314. Nxb Thế Giới, Hà Nội.
 5. Đồng Thành Danh (2017). "Nhận thức của giới nghiên cứu về thể chế chính trị của các nhà nước thời cổ-trung đại ở miền Trung Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1 (135). 2017 (ISSN 1859-0152), tr. 48-60.
 6. Hardy, Andrew (2009). "Eaglewood and the Economic History of Champa and Central Vietnam" in *Champa and the Archaeology of Mỹ Sơn (Vietnam)* (eds. Hardy, Andrew, Mauro Cucarzi and Patrizia Zolese), pp. 107-26. NUS Press, Singapore.
 7. Nguyễn Hữu Thông (2017). "Duyên hải miền Trung-Tây Nguyên sự kết nối bất phân ly về địa lý-kinh tế-văn hóa trong lịch sử" trong *Nghiên cứu văn hóa miền Trung 2016* (Chủ biên: Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam/Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế), tr. 11-29. Nxb Thuận Hóa, Huế.
 8. Nguyễn Phước Bảo Đan, Trần Thanh Hoàng (2017). "Cao nguyên phía Tây nhìn từ biển: Lối mở sông Ba và sự nhộn nhịp của một mạng lưới trao đổi hàng hóa" trong *Nghiên cứu văn hóa miền Trung 2016* (Chủ biên: Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam/Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế). Nxb Thuận Hóa, Huế, tr. 252-75.
 9. Nguyễn Văn Quảng (2016). "Các di tích đền tháp Champa ở Thừa Thiên Huế", *Khảo cổ học (Vietnam Archaeology)*, 6-2016, tr. 73-94.
 10. Southworth, William (2011). "River Settlement and Coastal Trade: Towards a Specific Model of Early State Development in Champa" in *The Cham of Vietnam: History, Society and Art* (eds. Tran Ky Phuong and Bruce Lockhart), pp. 102-19. NUS Press, Singapore.
 11. Trần Kỳ Phương, Thonglith Luongkhot, Phon Kaseka (2015). "The new archaeological finds in Northeast Cambodia, Southern Laos and Central Highland of Vietnam: Considering on the significance of overland trading route and cultural interactions of the ancient kingdoms of Champa and Cambodia" in *Advancing Southeast Asian Archaeology 2013, Selected Papers from the First SEAMEO- SPAFA International Conference on Southeast Asian Archaeology, Chonburi, Thailand 2013* (ed. Noel Hidalgo Tan), pp. 432-41. SEAMEO-SPAFA Regional Center for Archaeology and Fine Arts, Bangkok.
 12. Trần Kỳ Phương (2017). "The Overland Trading Route between the Khmer Empire and the Champa Kingdoms: New Archaeological Findings in Northeast Cambodia", *NSC Highlights, News from the Nalanda-Sriwijaya Centre, #4, March-May 2017*, pp. 4-6. Singapore: ISEAS Yusof Ishak Institute. Trần Kỳ Phương 2015. "Ché trong văn hóa của người Cơ Tu: Phẩm vật uy tín và vai trò của nó trong mạng lưới trao đổi miền xuôi-miền ngược ở vùng Quảng Nam", *Văn hóa Dân gian*, số 3(159), 2015, tr. 16-27. Viện Nghiên cứu Văn hóa /Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.

13. Trần Kỳ Phương (2013). *Crossing Boundaries- Learning from the Past to Build the Future: An Archaeological Collaboration between Cambodia, Laos and Vietnam*, The Regional Center for Social Sciences and Sustainable Development (RCSD), Research Report No. 8, Chiang Mai University, Chiang Mai, Thailand.
14. Tran Ky Phuong (2010). "Interactions between uplands and lowlands through the 'Riverine exchange network' of Central Vietnam – a case study in the Thu Bon river valley" in *50 years of Archaeology in Southeast Asia: Essays in honour of Ian Glover* (eds. Bellina, B. & L. Bacus & T.O. Pryce & J. Wisseman Christie), pp. 206-15. River Books, Bangkok & London.
15. Trần Kỳ Phương (2004). "Bước đầu tìm hiểu về địa-lịch sử của vương quốc Chiêm Thành (Champa) ở miền Trung Việt Nam: Với sự tham chiếu đặc biệt vào 'hệ thống trao đổi ven sông' của lưu vực sông Thu Bồn ở Quảng Nam". *Thông tin Khoa học* (Tháng 3/2004), tr. 41-61. Phân viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật tại thành phố Huế, Huế.

TÓM TẮT

Trong bài này các tác giả nhận định lại "mô hình mạng lưới trao đổi hàng hóa ven sông" dựa vào những tư liệu điền dã thu thập được tại chợ Tuần và huyện A Lưới thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ đó, chứng minh rằng các sắc tộc thiểu số sinh sống ở miền ngược tại vùng này đã từng thiết lập một mạng lưới trao đổi hàng hóa linh hoạt và rộng lớn bao gồm nhiều điểm tụ cư từ duyên hải miền Trung Việt Nam cho đến những vùng sâu xa (hinterland) ở Hạ Lào; chứ họ không nhất thiết lệ thuộc vào một tâm trao đổi nhất định nào tọa lạc ven sông ở miền xuôi như Bennet Bronson từng giả định.

ABSTRACT

**ON THE HIGHLAND-LOWLAND EXCHANGE NETWORK IN CENTRAL VIETNAM:
RETHINKING "THE MODEL OF RIVERINE PRODUCT EXCHANGE" BY BENNET
BRONSON THROUGH DOCUMENTARY EVIDENCE OF ANTHROPOLOGICAL
SURVEYS ON ETHNIC MINORITIES IN THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE**

In this article, the author redefines "the model of riverine product exchange network" based on field data collected at Tuần market and in A Lưới District in Thừa Thiên Huế Province. Then, he proves that ethnic minorities living in the highland of that region used to establish a large and flexible product exchange network including many sites, from Central coastal Vietnam to the hinterland in Lower Laos, which is quite different from Bennet Bronson's assumption that they had to be dependent on a fixed riverine exchange center in the lowlands.